

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Quý I năm 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN**  
**XÂY DỰNG HÒA BÌNH**

## MUC LUC

Mục	Nội dung	Trang
1	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	01- 04
2	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
3	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	06- 07
4	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 32



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính : VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	T.M	31/03/2019	01/01/2019
0	1	2	3	4	5
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>12,993,655,022,338</b>	<b>13,522,627,868,006</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>319,041,387,773</b>	<b>314,605,674,808</b>
1	Tiền	111		275,934,972,005	227,495,897,243
2	Các khoản tương đương tiền	112		43,106,415,768	87,109,777,565
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>18,095,476,646</b>	<b>108,740,599,939</b>
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.b	18,095,476,646	108,740,599,939
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10,507,213,951,407</b>	<b>11,088,517,942,591</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3.a	5,410,047,307,685	6,170,499,400,455
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		544,132,254,610	493,486,097,663
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		4,133,600,580,267	4,083,008,661,802
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		68,088,394,160	49,582,611,638
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.a	743,551,539,330	682,526,698,672
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(392,206,124,645)	(390,585,527,639)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>1,974,844,669,189</b>	<b>1,840,740,536,382</b>
1	Hàng tồn kho	141		2,002,206,538,652	1,868,102,405,845
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(27,361,869,463)	(27,361,869,463)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>174,459,537,323</b>	<b>170,023,114,286</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13.a	136,406,033,284	135,407,511,660
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		36,714,772,739	33,287,020,853
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,338,731,300	1,328,581,773
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính : VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	T.M	31/03/2019	01/01/2019
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2,340,724,535,467</b>	<b>2,377,875,221,206</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>58,080,484,697</b>	<b>55,991,881,069</b>
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3.b	358,453,912	358,453,912
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		206,000,000	218,000,000
6	Phải thu dài hạn khác	216	5.4.b	57,516,030,785	55,415,427,157
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,395,999,273,577</b>	<b>1,420,321,167,349</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1,350,215,175,758	1,375,082,640,085
	- Nguyên giá	222		2,158,035,136,800	2,134,065,947,023
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(807,819,961,042)	(758,983,306,938)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	5.11	45,784,097,819	45,238,527,264
	- Nguyên giá	228		55,794,701,162	54,907,139,344
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10,010,603,343)	(9,668,612,080)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.12</b>	<b>51,046,757,358</b>	<b>51,610,270,099</b>
	- Nguyên giá	231		53,650,522,551	53,481,595,350
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2,603,765,193)	(1,871,325,251)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>36,025,920,116</b>	<b>41,018,784,466</b>
1	- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang d	241		-	-
2	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		36,025,920,116	41,018,784,466
<b>IV.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>368,618,501,936</b>	<b>362,798,096,461</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2.b	322,069,461,811	315,964,712,315
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2.b	62,893,660,000	62,893,660,000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(18,552,619,875)	(18,268,275,854)
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2,208,000,000	2,208,000,000
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>430,953,597,783</b>	<b>446,135,021,762</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13.b	339,070,442,664	353,817,949,882
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.23.a	48,020,917,903	46,907,421,705
5	Lợi thế thương mại	269		43,862,237,216	45,409,650,175
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>15,334,379,557,804</b>	<b>15,900,503,089,212</b>

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính : VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	T.M	31/03/2019	01/01/2019
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12,310,516,270,672</b>	<b>12,977,675,539,888</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11,625,838,459,903</b>	<b>12,313,166,533,374</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16.a	3,438,188,984,807	4,421,453,513,744
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,285,505,918,143	1,418,282,344,491
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.17	124,298,928,869	333,306,976,133
4	Phải trả người lao động	314		450,546,869,508	577,860,347,889
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18.a	836,164,888,272	1,214,770,253,995
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.20.a	25,176,932,343	24,024,422,381
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19a	182,367,576,810	197,880,292,967
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15.a	4,272,566,923,117	4,077,610,358,312
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.22.a	-	-
12	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		11,021,438,034	47,978,023,462
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính ph	324		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>684,677,810,768</b>	<b>664,509,006,514</b>
1	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.20.b	-	-
7	Phải trả dài hạn khác	337	5.19.b	89,579,297,717	75,471,474,863
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15.b	257,992,246,261	264,052,970,669
9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.23.b	93,898,957,919	92,435,063,562
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.22b	243,207,308,871	232,549,497,420
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính : VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	T.M	31/03/2019	01/01/2019
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3,023,863,287,133</b>	<b>2,922,827,549,324</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.24</b>	<b>3,023,863,287,133</b>	<b>2,922,827,549,324</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,960,749,770,000	1,960,749,770,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	5.24.b	1,960,749,770,000	1,960,749,770,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		30,494,112,981	30,494,112,981
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		58,026,514	57,934,418
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	5.24.f	96,593,759,328	96,593,759,328
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
<b>11</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>421</b>	<b>5.24.a</b>	<b>727,333,921,040</b>	<b>627,792,159,402</b>
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		621,073,090,407	65,591,336,440
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		106,260,830,633	562,200,822,962
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		208,633,697,269	207,139,813,195
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Nguồn kinh phí	431		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>15,334,379,557,804</b>	<b>15,900,503,089,212</b>

TP.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2019

LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN

NGUYỄN THỊ NGUYỄN THỦY

LÊ VIẾT HẢI

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Quý I năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	6.1	3,707,886,304,194	3,345,702,073,211	3,707,886,304,194	3,345,702,073,211
Các khoản giảm trừ doanh thu	2	6.2	(3,320,000)	-	(3,320,000)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	05	6.3	3,707,882,984,194	3,345,702,073,211	3,707,882,984,194	3,345,702,073,211
Giá vốn hàng bán	11	6.4	3,367,374,630,417	2,977,954,531,119	3,367,374,630,417	2,977,954,531,119
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		340,508,353,778	367,747,542,092	340,508,353,778	367,747,542,092
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	3,029,258,805	12,904,775,472	3,029,258,805	12,904,775,472
Chi phí tài chính	22	6.6	56,512,642,377	71,228,688,333	56,512,642,377	71,228,688,333
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		56,121,648,275	62,209,423,676	56,121,648,275	62,209,423,676
Phần lãi / lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		104,749,496	1,261,157,972	104,749,496	1,261,157,972
Chi phí bán hàng	25	6.9a	9,080,384,372	20,051,649,322	9,080,384,372	20,051,649,322
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.9b	126,834,392,510	119,487,402,018	126,834,392,510	119,487,402,018
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		151,214,942,819	171,145,735,863	151,214,942,819	171,145,735,863
Thu nhập khác	31	6.7	7,527,364,018	3,695,319,896	7,527,364,018	3,695,319,896
Chi phí khác	32	6.8	3,680,383,223	548,309,753	3,680,383,223	548,309,753
Lợi nhuận khác	40		3,846,980,795	3,147,010,143	3,846,980,795	3,147,010,143
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		155,061,923,614	174,292,746,006	155,061,923,614	174,292,746,006
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.1	33,794,949,192	37,459,084,184	33,794,949,192	37,459,084,184
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.1	349,598,157	1,231,465,044	349,598,157	1,231,465,044
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		120,917,376,265	135,602,196,778	120,917,376,265	135,602,196,778
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		119,507,626,606	135,461,288,420	119,507,626,606	135,461,288,420
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1,409,749,659	140,908,358	1,409,749,659	140,908,358

LẬP BẢNG



LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ NGUYỄN THỦY

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ VIỆT HẢI

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	1		155,061,923,614	174,292,746,006
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			-	-
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2		63,214,364,915	59,929,437,171
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng	3		23,220,563,929	9,175,316,455
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(8,624,439,148)	(21,837,174,483)
Chi phí lãi vay	6		56,121,648,275	63,873,637,425
Các khoản điều chỉnh khác	7		-	-
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>288,994,061,585</b>	<b>285,433,962,574</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		591,427,267,556	213,136,295,845
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(134,104,132,807)	(248,226,772,561)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		(873,870,096,791)	(371,512,499,569)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		13,748,985,594	26,219,316,985
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(65,371,102,966)	(73,568,834,881)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(72,294,270,690)	(73,215,945,932)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		110,000,000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(272,532,016)	(764,210,295)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(251,631,820,533)</b>	<b>(242,498,687,834)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(9,974,280,998)	(52,642,813,950)
Tiền thu thanh lý, bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		4,025,238,054	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(29,681,151,769)	(80,577,030,346)
Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của ĐV khác	24		101,832,492,540	19,576,597,825
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6,000,000,000)	(22,745,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6,969,395,274	28,352,929,898
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>67,171,693,101</b>	<b>(108,035,316,574)</b>

845  
HỘ  
31N



### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	22,745,000,000
Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		3,498,683,206,506	3,219,923,622,682
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3,309,787,366,109)	(3,129,583,408,054)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>188,895,840,397</b>	<b>113,085,214,628</b>
			-	-
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>4,435,712,965</b>	<b>(237,448,789,779)</b>
			-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>314,605,674,808</b>	<b>494,960,804,005</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>		<b>319,041,387,773</b>	<b>257,512,014,226</b>

TP.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2019

LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN

NGUYỄN THỊ NGUYỄN THỦY



LÊ VIẾT HẢI

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình, là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000229, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 1 tháng 12 năm 2000, và các giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 80/UBCK-GPNY ngày 22 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vào ngày 13 tháng 06 năm 2017, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 24 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận việc thay đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình trở thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình.

Vào ngày 09 tháng 05 năm 2018, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 27 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp nhận việc tăng Vốn điều lệ lên 1.298.507.570.000 đồng.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:**

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") là xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; tư vấn xây dựng; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; dịch vụ sửa chữa nhà, trang trí nội thất; và kinh doanh bất động sản.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000229 lần đầu ngày 01/12/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 11/09/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm :

- \* Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường, công trình giao thông, hệ thống cấp thoát nước.
- \* San lấp mặt bằng.
- \* Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình).
- \* Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.
- \* Dịch vụ sửa chữa nhà.
- \* Trang trí nội thất.
- \* Trồng rừng cao su, xà cừ, trầm và bạch đàn.
- \* Khai thác và sơ chế gỗ (không hoạt động tại TP.HCM).
- \* Kinh doanh du lịch, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).
- \* Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.
- \* Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp.
- \* Kinh doanh bất động sản.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp:**

**- Danh sách các Công ty con:**

Tên Công ty con	Hoạt động chính	Trụ sở chính	Tỉ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất; và xây dựng nhà các loại	235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	98.93%
Công ty TNHH Sài Gòn Ngày Mới	Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, kinh doanh bất động sản.	235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TPHCM	98.93%
Công ty Cổ phần Tiến Phát Tân Thuận	Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất	235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TPHCM	49.95%
Công ty Cổ phần Tiến Phát Sanyo Homes	Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất	235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TPHCM	49.95%
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Kinh doanh phát triển các dự án bất động sản	235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	99.93%
Công ty TNHH Bất Động Sản PAXLAND	Tư vấn, môi giới và đầu giá bất động sản và quyền sử dụng đất	235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	98.93%
Công ty Cổ phần Okamura Việt Nam	Tư vấn quản lý và môi giới bất động sản	Số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	50.54%
Công ty TNHH MTV PAX SKY	Kinh doanh bất động sản.	Số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	99.93%
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng Hòa Bình	Đầu tư xây dựng khu công nghiệp	Áp 7, xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An	97.97%
Công ty Cổ phần ĐT XD Hạ tầng Hòa Bình - Quảng Nam	Xây dựng nhà để ở, công trình cấp thoát nước, điện, đường bộ.	Cụm CN - TTCN Đại Nghĩa 1, xã Đại Nghĩa, huyện Bảo Lộc, tỉnh Quảng Nam.	95.97%
Công ty Cổ phần Interhouse Long An	Sản xuất, mua bán, gia công và lắp đặt hàng mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất	61 Trương Định, Phường 1, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	97.29%

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH**

235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019*

Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội	Xây dựng nhà các loại; hoàn thiện công trình xây dựng; xây dựng công trình đường bộ; chuẩn bị mặt bằng; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; trang trí nội thất và kinh doanh bất động sản	Tầng 8, tòa nhà San Nam, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	97.97%
Công ty TNHH Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Sản xuất, mua bán, gia công và lắp đặt hàng mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất	235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	97.30%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Năng lượng Tái Tạo Hòa Bình	Bán lẻ vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, đồ điện gia dụng; lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước; dịch vụ quảng cáo; xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.	Số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	57.02%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hòa Bình Huế	Đầu tư xây dựng khu biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp Le Royal An Nam	Thôn Phú Hải 2, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế	93.90%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hòa Yên	Đầu tư các dự án xây dựng công trình giao thông	439 Trần Hưng Đạo, phường 6, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	97.53%
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất	Số 37/5A Khu phố 5 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Cung cấp dịch vụ thiết kế kiến trúc và tư vấn thiết kế xây dựng	Số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	75.00%
Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Matec	Cho thuê máy móc cơ điện và thiết bị xây dựng	37/8 Phan Văn Hớn Phường Tân Thới Nhất Quận 12 Tp.HCM	100%
Công ty TNHH Hòa Bình Myanmar	Cung cấp dịch vụ thiết kế, xây dựng, dịch vụ giám sát chất lượng, quản lý xây dựng và dịch vụ quản lý dự án	101-102 Shwehinthar Condo - A, 6 1/2 Miles. Pyay Road, Hlaing Township, Yangon, Myanmar	100%

**- Danh sách các Công ty liên doanh liên kết:***Tên Công ty**Hoạt động chính**Trụ sở chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH**

235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	Kinh doanh chứng khoán, và cung cấp dịch vụ tư vấn môi giới và đầu tư	Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	42.53%
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Jesco Hòa Bình	Thi công lắp đặt trang thiết bị công trình xây dựng, hệ thống điện nước, phòng cháy chữa cháy, hệ thống làm lạnh;	235/2 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	47.82%
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Oseven	Cung cấp dịch vụ xây dựng	235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	47.92%
Công ty CP Trang Trí Nội Thất Onwa Tech	Xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bán buôn & phân phối bán lẻ hàng hóa, dịch vụ thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng.	235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	30.17%
Công ty Cổ phần Cơ khí & Nhôm kính Anh Việt	Trang trí nội thất; sản xuất vật liệu xây dựng (cửa nhôm); san lấp mặt bằng và mua bán vật tư xây dựng	Số 1700/3C Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	46.93%
Công ty TNHH Tiến Phát Đông Bắc	Kinh doanh BĐS và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	48.48%

**- Đầu tư dài hạn khác**

<i>Tên Công ty</i>	<i>Hợp đồng/ Giấy chứng nhận Đầu tư</i>	<i>Tỉ lệ sở hữu</i>
Công ty Cổ phần du lịch Hòa Bình	Hợp đồng nguyên tắc số 02/HDNT/DLHB-HBG ngày 25 tháng 12 năm 2010	10.0%
Công ty Cổ phần Jesco Asia	Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 3 số 411032000117 do Ủy ban Nhân dân TPHCM cấp ngày 31/12/2014	3.23%
Dự án Bình An Plaza	Phát triển Dự án khu chung cư Bình An Plaza theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ngày 19 tháng 12 năm 2007	3.26%
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	Hợp đồng chuyển nhượng Cổ phần ngày 18/08/2016 giữa Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình và Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá	10.24%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019*

Công ty TNHH Giải trí Thanh Long Communication      Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/HĐHTKD ngày 29 tháng 09 năm 2015 nhằm sản xuất bộ phim nhựa mang tên "Nữ hoàng"

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 2.1. Kỳ kế toán năm, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Báo cáo tài chính tại Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam, các thông tư và chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và sửa đổi, bổ sung.

**3.3. Hình thức kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm báo cáo.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm tiền tệ hạch toán để lập các báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ phát sinh không phải VND được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những tài sản bằng tiền và các khoản phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày lập bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019*

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 "Hàng tồn kho". Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

- Hàng hoá bất động sản : Quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng được Công ty mua để bán/ dự định bán trong kỳ kinh doanh thông thường hoặc trong vòng 12 tháng tới được ghi nhận như là hàng hoá bất động sản.

**4.3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: ghi nhận theo nguyên giá. Trong bảng cân đối kế toán, tài sản cố định được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại. Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí cải tạo và làm mới chủ yếu thì được ghi vào tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/05/2013 TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành về "Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

- Từ ngày 01/06/2013 TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành về "Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

**4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: chưa phát sinh**

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, không theo giá trị hợp lý.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: phương pháp khấu hao được doanh nghiệp áp dụng là phương pháp đường thẳng.

**4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

- Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: các khoản đầu tư này được phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá gốc. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty con được lập trên cơ sở hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc thì lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Lập bổ sung theo số chênh lệch lớn hơn dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn đã lập năm trước còn lại đang ghi sổ kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019*

**4.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Vì là khoản vay vốn riêng biệt sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng nên chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ là chi phí đi vay thực tế phát sinh của khoản vay riêng biệt này.

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ.

**4.7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác: chưa phát sinh**

- Chi phí trả trước: chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh

- Chi phí khác: Các khoản chi phí khác được vốn hóa là những khoản chi phí:

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: phương pháp phân bổ là phương pháp đường thẳng.

**4.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**4.9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Các khoản dự phòng được lập khi Công ty xác định nghĩa vụ thực hiện các khoản nợ có thể xảy ra trong tương lai dựa vào các nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ có liên đới của các sự kiện xảy ra trong quá khứ. Công ty có thể đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Các khoản dự phòng phải trả đã ghi nhận là thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

- Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả: Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm theo số chênh lệch lớn hơn giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi sổ kế toán.

**4.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn Cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn Cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch, đánh giá lại tài sản: các khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản theo Quyết định của Nhà nước.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá: Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (nếu có) là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, của hoạt động đầu tư XDCB.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

**4.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã thống nhất được với khách hàng.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

**Doanh thu bán hàng hóa bất động sản**

Doanh thu bán hàng hóa bất động sản được ghi nhận khi các rủi ro và các quyền sở hữu hàng hóa bất động sản được chuyển sang người mua.

**Tiền cho thuê**

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận khi lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của tập đoàn được xác lập.

**4.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:**

302  
CỘ  
CỘ  
:OÀ  
:A  
F.P

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019*

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**4.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:**

**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến trước được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

584  
GT  
HÀ  
XÂY  
DỰ  
10

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019*

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế. Thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**4.14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:**

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng TM Cổ phần Ngoại Thương công bố tại thời điểm cuối kỳ theo thông tư 179/2012/TT-BTC.

**4.15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: chưa phát sinh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH**  
 235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1. Tiền**

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Tiền mặt	1,154,935,476	6,955,143,154
- Tiền gửi ngân hàng	274,780,036,529	220,540,754,089
- Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng)	43,106,415,768	87,109,777,565
<b>Cộng</b>	<u><u>319,041,387,773</u></u>	<u><u>314,605,674,808</u></u>

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Chứng khoán kinh doanh: Không phát sinh**

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>b1. Ngắn hạn</b>		
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	18,095,476,646	18,095,476,646
- Các khoản đầu tư khác	-	-
<b>b2. Dài hạn</b>		
- Tiền gửi có kỳ hạn	2,208,000,000	2,208,000,000
<b>Cộng</b>	<u><u>20,303,476,646</u></u>	<u><u>108,740,599,939</u></u>

**b3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>Giá gốc</b>		
- Đầu tư vào cty liên doanh, liên kết	322,069,461,811	322,069,461,811
- Đầu tư vào đơn vị khác	62,893,660,000	62,893,660,000
<b>Cộng</b>	<u><u>384,963,121,811</u></u>	<u><u>378,858,372,315</u></u>
<b>Dự phòng</b>		
- Đầu tư vào cty liên doanh, liên kết	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	(18,552,619,875)	(18,268,275,854)
<b>Cộng</b>	<u><u>(18,552,619,875)</u></u>	<u><u>(18,268,275,854)</u></u>
<b>Giá trị hợp lý</b>	<u><u>366,410,501,936</u></u>	<u><u>315,964,712,315</u></u>
<b>Giá trị hợp lý</b>	<u><u>360,590,096,461</u></u>	<u><u>315,964,712,315</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH**  
235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
* Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	21,167,590,051	20,710,446,255
- Công ty CP chứng khoán Sen vàng (42.38%)	40,677,500,000	40,677,500,000
+ Vốn góp	(19,509,909,949)	(19,967,053,745)
+ Lãi(lỗ) lũy kế từ Công ty Cổ phần chứng khoán Sen Vàng		
- Công ty CP Hòa Bình Phước Lộc Thọ (47.92%)	55,612,509,091	55,612,509,091
+ Vốn góp	55,612,509,091	55,612,509,091
- Công ty Jesco Hòa Bình (47.82%)	54,099,875,205	53,945,462,410
+ Vốn góp	34,842,520,000	34,842,520,000
+ Lãi(lỗ) lũy kế từ Công ty Cổ phần JESCO Hòa Bình	19,257,355,205	19,102,942,410
- Công ty Cổ phần Cơ khí & Nhôm kính Anh Việt (46.93%)	15,996,336,683	16,706,344,150
+ Vốn góp	10,560,000,000	10,560,000,000
+ Lãi(lỗ) lũy kế từ Công ty Cổ phần Anh Việt	5,436,336,683	6,146,344,150
- Công ty CP Trang Trí Nội Thất Onwa Tech	5,677,550,599	-
+ Vốn góp	6,000,000,000	-
+ Lãi(lỗ) lũy kế từ Cty CP Trang Trí Nội thất Onwa Tech	(322,449,401)	
- Công ty CP TPĐB	169,515,600,182	168,989,950,410
+ Vốn góp	169,934,720,000	169,934,720,000
+ Lãi(lỗ) lũy kế từ Công ty TNHH Tiến Phát Đông Bắc	(419,119,818)	(944,769,590)
<b>Cộng</b>	<b>322,069,461,811</b>	<b>315,964,712,315</b>
* Đầu tư vào đơn vị khác	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Công ty Vĩnh Tiến - Dự án Bình An Plaza	23,666,260,000	23,666,260,000
Công ty cổ phần du lịch Hòa Bình	21,405,000,000	21,405,000,000
Công ty Cổ phần Jesco Asia	4,185,000,000	4,185,000,000
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá	13,637,400,000	13,637,400,000
<b>Cộng</b>	<b>62,893,660,000</b>	<b>62,893,660,000</b>
* Phân lập dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Công ty Cổ phần Jesco Asia	(168,871,682)	(163,217,025)
Công ty Sài Gòn Rạch Giá	(6,550,618,193)	(6,271,928,829)
Công ty Vĩnh Tiến - Dự án Bình An Plaza	(11,833,130,000)	(11,833,130,000)
<b>Cộng</b>	<b>(18,552,619,875)</b>	<b>(18,268,275,854)</b>
<b>Đầu tư thuần</b>	<b>44,341,040,125</b>	<b>44,625,384,146</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH**  
235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>5.3. Phải thu của khách hàng</b>				
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	22,290,650,011	-	1,646,729,170	-
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	431,725,937,993	-	7,809,915,174	-
<b>Cộng</b>	<b>43,432,223,043</b>	<b>-</b>	<b>67,752,297,757</b>	<b>-</b>
<b>5.4. Phải thu khác</b>				
a. Ngắn hạn	16,817,396,756	-	24,411,822,816	-
- Phải thu người lao động	229,285,331,527	-	580,905,933,755	-
- Ký cược, ký quỹ	<b>743,551,539,330</b>	<b>-</b>	<b>682,526,698,672</b>	<b>-</b>
- Tạm ứng cho nhân viên				
- Phải thu bên liên quan				
- Phải thu khác				
<b>Cộng</b>				
<b>5.5. Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	53,168,225,102	-	53,101,573,345	-
- Phải thu khác	4,347,805,683	-	2,313,853,812	-
<b>Cộng</b>	<b>57,516,030,785</b>	<b>-</b>	<b>55,415,427,157</b>	<b>-</b>
<b>5.6. Tài sản thiếu chờ xử lý: Không phát sinh</b>				
<b>5.6. Nợ xấu: Không phát sinh</b>				
<b>5.7. Hàng tồn kho</b>				
- Nguyên liệu, vật liệu XD	707,603,052,616	-	668,444,463,797	-
- Thành phẩm	23,426,379,202	(20,299,993,667)	23,308,211,124	(20,334,579,811)
- Hàng hóa	12,305,990,644	(5,293,625,796)	13,092,800,324	(5,258,711,652)
- Hàng hoá bất động sản	112,131,966,739	-	112,059,214,789	(328,000)
- Hàng gửi đi bán			174,419,843	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	1,091,839,172,965	(1,768,250,000)	1,047,781,848,101	(1,768,250,000)
- Công cụ dụng cụ	54,899,976,486	-	3,241,447,867	-
<b>Cộng</b>	<b>2,002,206,538,652</b>	<b>(27,361,869,463)</b>	<b>1,868,102,405,845</b>	<b>(27,361,869,463)</b>

102  
CỘNG  
CỘNG  
DÂN  
VIỆT  
NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH  
235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Chi tiết số dư hàng hóa bất động sản vào ngày 31 tháng 03 năm 2019 bao gồm:

Quyền sử dụng đất tại	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý
Lô đất tại Long Thới	29,698	63,138,829,579	-	63,138,829,579
Lô đất tại Nhơn Đức	5,730	6,326,474,150	-	6,326,474,150
<b>Cộng</b>	<b>35,428</b>	<b>69,465,303,729</b>	-	<b>69,465,303,729</b>
Căn hộ chung cư	Số căn hộ	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý
Căn hộ chung cư Era	04 căn (361.36 m <sup>2</sup> )	6,182,133,081	-	6,182,133,081
Căn hộ Lan Phương	1 căn (85.09 m <sup>2</sup> )	1,504,330,778	-	1,504,330,778
Căn hộ Lerman	3 Căn (504.5 m <sup>2</sup> )	34,980,199,151	-	34,980,199,151
<b>Cộng</b>		<b>42,666,663,010</b>	-	<b>42,666,663,010</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>112,131,966,739</b>	-	<b>112,131,966,739</b>

5.8. Tài sản dở dang dài hạn

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn: Không phát sinh

31/03/2019

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Mua sắm	30,162,162,314	30,162,162,314
XDCB	5,863,757,802	5,863,757,802
Sửa chữa	-	-
Thiết bị đang lắp đặt	-	-
Khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>36,025,920,116</b>	<b>36,025,920,116</b>

01/01/2019

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Mua sắm	24,588,262,837	24,588,262,837
XDCB	15,833,207,105	15,833,207,105
Sửa chữa	597,314,524	597,314,524
Thiết bị đang lắp đặt	-	-
Khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>41,018,784,466</b>	<b>41,018,784,466</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH**  
235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư tại ngày 01/01/2019	87,904,469,549	1,964,567,454,096	58,653,486,587	22,940,536,791	2,134,065,947,023
- Mua trong năm	-	37,258,833,071	884,321,517	821,835,455	38,964,990,043
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14,843,293,123)	(42,857,143)	(77,100,000)	(14,963,250,266)
- Giảm khác	(32,550,000)	-	-	-	(32,550,000)
Số dư tại ngày 31/03/2019	87,871,919,549	1,986,982,994,044	59,494,950,961	23,685,272,246	2,158,035,136,800
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2019	(21,876,713,720)	(703,021,030,673)	(21,437,894,282)	(12,647,668,263)	(758,983,306,938)
- Khấu hao trong năm	(2,187,413,741)	(56,796,236,248)	(1,658,761,573)	(682,549,131)	(61,324,960,694)
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	12,407,199,280	42,857,143	38,250,167	12,488,306,590
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2019	(24,064,127,461)	(747,410,067,641)	(23,053,798,712)	(13,291,967,227)	(807,819,961,042)
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Số dư tại ngày 01/01/2019	66,027,755,829	1,261,546,423,423	37,215,592,305	10,292,868,528	1,375,082,640,085
Số dư tại ngày 31/03/2019	63,807,792,088	1,239,572,926,403	36,441,152,249	10,393,305,019	1,350,215,175,758

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuế tài chính: Không phát sinh



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH**  
235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**5.11. a. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
<b>Số dư tại ngày 01/01/2019</b>	<b>42,264,635,783</b>	<b>11,426,498,203</b>	-	<b>1,216,005,358</b>	<b>54,907,139,344</b>
- Mua trong năm	32,550,000	855,011,818	-	-	887,561,818
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/03/2019</b>	<b>42,297,185,783</b>	<b>12,281,510,021</b>	-	<b>1,216,005,358</b>	<b>55,794,701,162</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư tại ngày 01/01/2019</b>	-	<b>(8,452,606,722)</b>	-	<b>(1,216,005,358)</b>	<b>(9,668,612,080)</b>
- Khấu hao trong năm	(173,449,212)	(168,542,051)	-	-	(341,991,263)
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/03/2019</b>	<b>(173,449,212)</b>	<b>(8,621,148,773)</b>	-	<b>(1,216,005,358)</b>	<b>(10,010,603,343)</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
<b>Số dư tại ngày 01/01/2019</b>	<b>42,264,635,783</b>	<b>2,973,891,481</b>	-	-	<b>45,238,527,264</b>
<b>Số dư tại ngày 31/03/2019</b>	<b>42,123,736,571</b>	<b>3,660,361,248</b>	-	-	<b>45,784,097,819</b>

**b. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:** Không phát sinh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

5.12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư: không phát sinh

5.13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

- Các khoản khác

**Cộng**

31/03/2019

104,018,741,873

32,387,291,411

136,406,033,284

01/01/2019

97,718,332,032

37,689,179,628

135,407,511,660

b. Dài hạn

- Tiền thuê đất trả trước

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

- Các khoản khác

**Cộng**

31/03/2019

31,291,879,582

164,142,927,254

143,635,635,828

339,070,442,664

01/01/2019

132,093,797,974

168,955,240,812

52,768,911,096

353,817,949,882

5.14. Tài sản khác: Không phát sinh

5.15. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay ngắn hạn

31/03/2019

Trong kỳ

01/01/2019

Giá trị

Số có khả năng  
trả nợ

Tăng

Giảm

Giá trị

Số có khả năng trả nợ

4,261,250,515,200

1,169,335,149,006

484,965,026,827

1,314,459,572,636

296,780,741,189

235,900,407,423

-

219,800,006,867

378,292,097,403

161,717,513,849

-

11,316,407,916

4,272,566,923,116

4,261,250,515,200

1,169,335,149,006

484,965,026,827

1,314,459,572,636

296,780,741,189

235,900,407,423

-

219,800,006,867

378,292,097,403

161,717,513,849

-

11,316,407,916

4,272,566,923,116

606,416,311,019

-

234,637,716,398

5,419,777,896

166,292,410,401

-

3,663,912,283

196,402,494,041

-

91,106,453,773

193,204,367,155

1,106,190,124

411,459,746,215

410,353,556,091

11,809,056,218

-

-

-

48,148,838,130

66,084,840,815

-

91,106,453,773

193,204,367,155

1,106,190,124

411,459,746,215

4,065,187,760,272

1,181,144,205,224

250,327,310,429

1,309,039,794,740

130,488,330,788

284,049,245,553

66,084,840,815

216,136,094,584

181,889,603,362

252,823,967,622

193,204,367,155

12,422,598,040

4,077,610,358,312

4,065,187,760,272

1,181,144,205,224

250,327,310,429

1,309,039,794,740

130,488,330,788

284,049,245,553

66,084,840,815

216,136,094,584

181,889,603,362

252,823,967,622

193,204,367,155

12,422,598,040

4,077,610,358,312

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

	31/03/2019				01/01/2019			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>b. Vay dài hạn</b>								
- Ngân hàng Vietcombank CN1	132,174,159,104	132,174,159,104	29,178,612,207	-	102,995,546,897	102,995,546,897		
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	-	-	-	27,500,000,000	27,500,000,000	27,500,000,000		
- Ngân hàng BIDV	58,474,669,580	58,474,669,580	-	898,199,315	59,372,868,895	59,372,868,895		
- Ngân hàng Vietcombank_HCM	12,656,000,000	12,656,000,000	-	-	12,656,000,000	12,656,000,000		
- Ngân hàng Quân đội	19,388,475,910	19,388,475,910	-	-	25,089,838,210	25,089,838,210		
- Ngân hàng OCB	32,666,666,667	32,666,666,667	-	-	32,666,666,667	32,666,666,667		
- Ngân hàng HD BANK	2,632,275,000	2,632,275,000	-	-	3,772,050,000	3,772,050,000		
<b>Cộng</b>	<b>257,992,246,261</b>	<b>257,992,246,261</b>	<b>29,178,612,207</b>	<b>28,398,199,315</b>	<b>264,052,970,669</b>	<b>235,191,082,459</b>		

**5.16. Phải trả người bán**

	31/03/2019				01/01/2019			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>								
- Phải trả người bán ngắn hạn	3,438,188,984,807	3,438,188,984,807	-	983,264,528,937	4,421,453,513,744	4,421,453,513,744		
<b>Cộng</b>	<b>3,438,188,984,807</b>	<b>3,438,188,984,807</b>	<b>-</b>	<b>983,264,528,937</b>	<b>4,421,453,513,744</b>	<b>4,421,453,513,744</b>		

**a. Các khoản phải trả người bán dài hạn: Không phát sinh**

	31/03/2019				01/01/2019			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>5.17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>								
- Thuế GTGT phải nộp	52,317,793,204	52,317,793,204	126,454,615,271	295,246,592,842	221,109,770,775	221,109,770,775		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	66,173,616,423	66,173,616,423	33,822,284,827	71,308,963,375	103,660,294,971	103,660,294,971		
- Thuế thu nhập cá nhân	5,723,175,409	5,723,175,409	18,066,574,879	20,487,580,949	8,144,181,479	8,144,181,479		
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước khác	84,343,833	84,343,833	497,979,615	806,364,690	392,728,908	392,728,908		
<b>Cộng</b>	<b>124,298,928,869</b>	<b>124,298,928,869</b>	<b>178,841,454,592</b>	<b>387,849,501,856</b>	<b>333,306,976,133</b>	<b>333,306,976,133</b>		

**5.18. Chi phí phải trả**

	31/03/2019				01/01/2019			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>a. Ngắn hạn</b>								
- Chi phí phát sinh của các công trình xây dựng	692,939,640,611	692,939,640,611	-	1,074,721,241,955	7,004,159,270	7,004,159,270		
- Chi phí lãi vay	18,643,156,718	18,643,156,718	-	7,004,159,270	85,004,079,381	85,004,079,381		
- Chi phí phát triển dự án bất động sản và hạ tầng KCN	83,072,865,269	83,072,865,269	-	85,004,079,381				

(7/1) A  
CỔ Đ  
CỔ Đ  
CỔ Đ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

- Chi phí khác	41,509,225,674	48,040,773,389
<b>Cộng</b>	<b>836,164,888,272</b>	<b>1,214,770,253,995</b>
<b>b. Dài hạn: Không phát sinh</b>		
<b>5.19. Phải trả khác</b>	<b>31/03/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Thường ban điều hành và cán bộ trọng yếu	-	18,169,394,160
- Thu hộ phí bảo trì các dự án	-	16,033,754,893
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	124,105,767,581	138,037,682,256
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	69,819,000	213,710,395
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	58,191,990,229	25,425,751,263
<b>Cộng</b>	<b>182,367,576,810</b>	<b>197,880,292,967</b>
<b>b. Dài hạn</b>	<b>31/03/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Thường ban điều hành và cán bộ trọng yếu	-	55,809,487,276
- Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	(3,032,897,937)	19,289,927,764
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	92,612,195,654	372,059,823
<b>Cộng</b>	<b>89,579,297,717</b>	<b>75,471,474,863</b>
<b>5.20. Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>31/03/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước - Lô nền khu công nghiệp	25,176,932,343	24,024,422,381
- Doanh thu nhận trước	<b>25,176,932,343</b>	<b>24,024,422,381</b>
<b>Cộng</b>		
<b>b. Dài hạn: Không phát sinh</b>		
<b>5.21. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả: Không phát sinh</b>		
<b>5.22. Dự phòng phải trả</b>	<b>31/03/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>a. Ngắn hạn: không phát sinh</b>		
<b>b. Dài hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	213,913,877,961	205,349,493,893
- Dự phòng phải trả khác	29,293,430,910	27,200,003,527
<b>Cộng</b>	<b>243,207,308,871</b>	<b>232,549,497,420</b>

1104 2019.03.03

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH**  
235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

5.24. **Vốn chủ sở hữu**  
a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

**CÁC KHOẢN MỤC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư và phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		Cộng
						6	7	
A	1	2	3	4	5	6	7	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1,298,507,570,000</b>	<b>30,494,112,981</b>	<b>47,125,000</b>	<b>96,441,884,861</b>	<b>823,017,187,451</b>	<b>218,453,517,145</b>	<b>2,466,961,397,438</b>	
- Phát hành thêm cổ phiếu	13,000,000,000				(117,719,221)	1,784,000,000	14,666,280,779	
- Lợi nhuận thuần trong kỳ					629,872,883,224	(9,767,658,606)	620,105,224,618	
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	649,242,200,000				(649,242,200,000)	(607,257,883)	(607,257,883)	
- Chia cổ tức bằng tiền					(64,887,754,000)		(64,887,754,000)	
- Trích lập các quỹ				151,874,467	(151,874,467)		-	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi					(70,076,584,742)		(70,076,584,742)	
- Trích thưởng BĐH và CB trọng yếu					(43,295,897,011)	(46,100,492)	(43,341,997,503)	
- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát			10,809,418		2,674,118,168	(2,676,686,969)	8,240,617	
- Khác								
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1,960,749,770,000</b>	<b>30,494,112,981</b>	<b>57,934,418</b>	<b>96,593,759,328</b>	<b>627,792,159,402</b>	<b>207,139,813,195</b>	<b>2,922,827,549,324</b>	
<b>Số dư đầu năm nay</b>								
- Tăng vốn trong kỳ						50,000,000	50,000,000	
- Lợi nhuận thuần trong kỳ					119,507,626,606	1,409,749,659	120,917,376,265	
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu					-	-	-	
- Chia cổ tức bằng tiền					-	-	-	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển					(13,367,420,800)		(13,367,420,800)	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi					-		-	
- Trích thưởng BĐH và CB trọng yếu					(6,567,509,650)		(6,567,509,650)	
- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát			92,096		(30,934,518)	34,134,415	3,291,994	
- Khác								
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1,960,749,770,000</b>	<b>30,494,112,981</b>	<b>58,026,514</b>	<b>96,593,759,328</b>	<b>727,333,921,040</b>	<b>208,633,697,270</b>	<b>3,023,863,287,133</b>	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH  
235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019*

<b>b.</b>	Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu Vốn góp của chủ sở hữu Cộng	<u>31/03/2019</u> 1,960,749,770,000 1,960,749,770,000	<u>01/01/2019</u> 1,960,749,770,000 1,960,749,770,000
<b>c.</b>	Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu + Vốn góp đầu năm + Vốn góp tăng trong năm Vốn góp cuối năm	<u>31/03/2019</u> 1,960,749,770,000 - 1,960,749,770,000	<u>01/01/2019</u> 1,960,749,770,000 - 1,960,749,770,000
<b>d.</b>	Cổ tức + Cổ tức bằng tiền mặt + Bằng phát hành cổ phiếu Cộng	<u>31/03/2019</u> - - -	<u>01/01/2019</u> 64,887,754,000 649,242,200,000 714,129,954,000
<b>e.</b>	Cổ phiếu Cổ phiếu phổ thông	<u>31/03/2019</u> 196,074,977 196,074,977	<u>01/01/2019</u> 196,074,977 196,074,977
	- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành - Số lượng cổ phiếu đã phát hành - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành - Mệnh giá cổ phiếu	196,074,977 196,074,977 10,000	196,074,977 196,074,977 10,000
<b>f.</b>	Các quỹ của doanh nghiệp - Quỹ đầu tư phát triển Cộng	<u>31/03/2019</u> 96,593,759,328 96,593,759,328	<u>01/01/2019</u> 96,593,759,328 96,593,759,328
<b>g.</b>	Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán		
<b>5.26.</b>	Chênh lệch tỷ giá	<u>31/03/2019</u> 58,026,514	<u>01/01/2019</u> 57,934,418
	Cộng	<b>58,026,514</b>	<b>57,934,418</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH I**

<b>6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV (Ms 01)</b>			
- Doanh thu	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>	
<b>Cộng</b>	3,707,886,304,194	3,345,702,073,211	
<b>6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)</b>			
- Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>	
<b>Cộng</b>	(3,320,000)	-	
	(3,320,000)	-	
<b>6.3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS10)</b>			
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>	
<b>Cộng</b>	3,707,882,984,194	3,345,702,073,211	
	3,707,882,984,194	3,345,702,073,211	
<b>6.4. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)</b>			
- Giá vốn hàng bán	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>	
<b>Cộng</b>	3,367,374,630,417	2,977,954,531,119	
	3,367,374,630,417	2,977,954,531,119	
<b>6.5. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)</b>			
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>	
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	17,218,100	-	
- Lãi bán hàng trả chậm, chậm thanh toán	602,080,565	481,067,356	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	3,029,258,805	1,718,577,463	
<b>Cộng</b>	3,976,556,470	12,904,775,472	
	3,976,556,470	12,904,775,472	
<b>6.6. Chi phí tài chính (Mã số 22)</b>			
- Chi phí lãi vay	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>	
- Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư	56,121,648,275	62,209,423,676	
- Chi phí tài chính khác	357,715,401	8,539,768,324	
<b>Cộng</b>	33,278,701	479,496,333	
	56,512,642,377	71,228,688,333	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019*

<p><b>6.7. Thu nhập khác (Mã số 31)</b> - Thu thanh lý tài sản cố định, vật tư. - Thu nhập khác</p>	<p><u>Quý I năm 2019</u> 1,550,294,378 5,977,069,640 <b>7,527,364,018</b></p>	<p><u>Quý I năm 2018</u> 3,042,000 3,692,277,896 <b>3,695,319,896</b></p>
<p><b>6.8. Chi phí khác (Mã số 32)</b> - Các khoản bị phạt - Các khoản khác <b>Cộng</b></p>	<p><u>Quý I năm 2019</u> 199,683,775 3,480,699,448 <b>3,680,383,223</b></p>	<p><u>Quý I năm 2018</u> 548,309,753 <b>548,309,753</b></p>
<p><b>6.9 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b> a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ - Chi phí lương và Chi phí có tính chất lương - Các khoản Chi phí bán hàng khác.</p>	<p><u>Quý I năm 2019</u> 9,080,384,372 4,002,909,102 5,077,475,270</p>	<p><u>Quý I năm 2018</u> 20,051,649,322 4,288,681,297 15,762,968,025</p>
<p>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ Chi phí nhân viên Chi phí dịch vụ thuê ngoài Phân bổ chi phí trả trước (Hoàn nhập) trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi Chi phí khác <b>Cộng</b></p>	<p><b>126,834,392,510</b> 74,556,139,976 5,034,711,513 1,439,757,978 1,603,690,757 44,200,092,286 <b>135,914,776,882</b></p>	<p><b>119,487,402,018</b> 67,505,413,920 299,952,813 1,927,571,556 49,754,463,729 <b>139,539,051,340</b></p>
<p><b>6.10 Chi phí thuế TNDN</b> - Chi phí thuế TNDN hiện hành - Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại <b>Cộng</b></p>	<p>33,794,949,192 349,598,157 <b>34,144,547,348</b></p>	<p>37,459,084,184 1,231,465,044 <b>38,690,549,228</b></p>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019*

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG: Chính sách kết quả hoạt động sản xuất kinh**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Quý I năm 2019</i>	<i>Quý I năm 2018</i>	<i>Tăng/giảm lợi nhuận</i>
Doanh thu thuần	3,707,882,984,194	3,345,702,073,211	362,180,910,983
Giá vốn hàng bán	3,367,374,630,417	2,977,954,531,119	389,420,099,297
Lợi nhuận gộp	340,508,353,778	367,747,542,092	(27,239,188,314)
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(53,483,383,573)	(58,323,912,861)	4,840,529,288
<i>Phần lãi/lỗ trong công ty ldlk</i>	<i>104,749,496</i>	<i>1,261,157,972</i>	<i>(1,156,408,477)</i>
Lợi nhuận khác	3,846,980,795	3,147,010,143	699,970,652
Chi phí bán hàng	9,080,384,372	20,051,649,322	10,971,264,950
Chi phí quản lý doanh nghiệp	126,834,392,510	119,487,402,018	(7,346,990,492)
<i>Trong đó: Chi phí lập DP phải thu khó đòi</i>	<i>1,603,690,757</i>	<i>1,927,571,556</i>	<i>323,880,799</i>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>155,061,923,614</b>	<b>174,292,746,006</b>	<b>(19,230,822,392)</b>

**Lợi nhuận trước thuế Quý I/2019:**

**Lợi nhuận trước thuế Quý I/2018:**

**Tăng (giảm):**

Do các nguyên nhân sau:

**Phần làm tăng lợi nhuận trước thuế:**

+ Lợi nhuận từ hoạt động tài chính tăng làm tăng lợi nhuận

+ Chi phí bán hàng giảm làm tăng lợi nhuận

+ Lợi nhuận khác tăng làm tăng lợi nhuận

**Phần làm giảm lợi nhuận trước thuế:**

+ Lợi nhuận gộp giảm làm giảm lợi nhuận

+ Phần lỗ trong công ty liên doanh liên kết tăng làm giảm lợi nhuận

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng làm giảm lợi nhuận

**155,061,923,614**

**174,292,746,006**

**(19,230,822,392)**

**16,511,764,891**

4,840,529,288

10,971,264,950

699,970,652

**(35,742,587,283)**

(27,239,188,314)

(1,156,408,477)

(7,346,990,492)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019


Nội dung	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019			
	Doanh thu thuần	%	Lợi nhuận	%
<b>1.1 Khối xây dựng</b>	<b>3,806,730,180,152</b>	<b>89%</b>	<b>128,524,976,702</b>	<b>117.56%</b>
<b>1.1.1. Công ty mẹ</b>	<b>3,806,730,180,152</b>	<b>89%</b>	<b>128,524,976,702</b>	<b>117.56%</b>
<b>a. Công ty mẹ</b>	<b>3,806,730,180,152</b>	<b>89%</b>	<b>133,674,207,999</b>	<b>122.27%</b>
<b>b. Loại trừ thu nhập 515</b>	-		-	
<b>c. Loại trừ dự phòng dài hạn</b>	-		<b>(5,149,231,297)</b>	<b>-4.71%</b>
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình			(2,483,246,047)	-2.27%
Cty CP Chứng khoán Sen Vàng			457,143,796	0.42%
Công ty Cổ phần ĐT XD Hạ tầng Hòa Bình			(2,800,679,645)	-2.56%
Công ty CP Trang Trí nội thất Owa Tech			(322,449,401)	0.00%
<b>1.1.2. Loại trừ bán tài sản thanh lý HBC</b>				
<b>1.2 Khối công ty con</b>	<b>447,715,011,274</b>	<b>11%</b>	<b>(19,300,761,769)</b>	<b>-17.65%</b>
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	35,949,240,100	1%	(13,873,997,080)	-12.69%
Công ty CP ĐT & XD Hạ tầng Hòa Bình	58,083,696,781	1%	(5,688,380,434)	-5.20%
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	13,452,429,729	0%	14,199,289	0.01%
Cty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	3,573,961,182	0%	(94,465,253)	-0.09%
Cty TNHH MTV Máy Xây dựng MATEC	336,655,683,482	8%	341,881,709	0.31%
<b>1.3 Các Cty LDLK</b>	-		<b>104,749,496</b>	<b>0.10%</b>
Cty CP Kỹ thuật Jesco Hòa Bình			154,412,795	0.14%
Cty CP Chứng khoán Sen Vàng			457,143,796	0.42%
Cty CP Cơ Khí và Nhôm kính Anh Việt			(710,007,467)	-0.65%
Cty TNHH Tiến Phát Đông Bắc			525,649,772	0.48%
Công ty CP Trang Trí nội thất Owa Tech			(322,449,401)	2.45%
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,254,445,191,426</b>	<b>100%</b>	<b>109,328,964,428</b>	<b>100.00%</b>
<b>1.4 Loại trừ hợp nhất</b>	<b>(546,562,207,231)</b>	<b>-13%</b>	<b>11,588,411,837</b>	<b>10.60%</b>
<b>2. Hợp nhất</b>	<b>3,707,882,984,194</b>		<b>120,917,376,265</b>	<b>110.60%</b>

TP.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2019

LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN

NGUYỄN THỊ NGUYÊN THỦY

LÊ VIẾT HẢI

